

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA THIẾT KẾ THỜI TRANG VÀ CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH, NGHỀ: CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

MÃ NGÀNH, NGHỀ: 6810404

TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 403/QĐ-CDKTKT ngày 20 tháng 7 năm 2026
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh)*



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Chăm sóc sắc đẹp

Mã ngành: 6810404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng liên thông

Hình thức đào tạo: Liên thông

Đối tượng tuyển sinh: học sinh tốt nghiệp ngành Chăm sóc sắc đẹp trình độ trung cấp

Thời gian khóa học: 1,5 năm học

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo:

Ngành Chăm sóc sắc đẹp là lĩnh vực đào tạo chuyên sâu về các kỹ thuật làm đẹp, chăm sóc và duy trì vẻ đẹp toàn diện cho con người. Người học được trang bị kiến thức về da, tóc, móng, trang điểm, massage, spa, và chăm sóc chuyên sâu, phun thêu thẩm mỹ mài môi nhằm giúp khách hàng tự tin và khỏe mạnh hơn. Ngành này đòi hỏi sự khéo léo, tinh tế, thẩm mỹ cao cùng tinh thần phục vụ tận tâm. Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các spa, salon, trung tâm thẩm mỹ, hoặc tự mở cơ sở kinh doanh dịch vụ làm đẹp. Đây là ngành có nhu cầu lao động cao, phù hợp với những ai yêu thích cái đẹp và mong muốn mang lại giá trị tích cực cho cộng đồng. Bên cạnh kỹ năng nghề, người học còn được rèn luyện thái độ chuyên nghiệp, khả năng giao tiếp và ứng xử văn minh trong phục vụ khách hàng. Ngành Chăm sóc sắc đẹp không chỉ giúp nâng cao ngoại hình mà còn góp phần xây dựng phong cách sống tự tin, hiện đại và văn minh.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chăm sóc sắc đẹp là ngành, nghề mà người hành nghề thực hiện chăm sóc các dịch vụ thiết yếu như chăm sóc da, vẽ móng nghệ thuật, trang điểm thẩm mỹ; phun thêu mày, môi tự; vấn chăm sóc khách hàng; quản lý vận hành cơ sở làm đẹp, nâng cao tay nghề và cập nhật công nghệ máy móc phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật công nghệ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Người làm việc trong lĩnh vực ngành, nghề Chăm sóc sắc đẹp trực tiếp tham gia chăm sóc da, thiết kế các bộ móng nghệ thuật, trang điểm nghệ thuật theo xu hướng của thời đại, vận hành, phát triển kinh doanh dịch vụ, quản lý nhân sự và các bộ phận kỹ thuật viên trực tiếp hành nghề trong điều kiện an toàn đảm bảo về dịch tễ. Họ có thể đảm nhiệm vai trò, chức trách của cán bộ quản lý, kỹ thuật viên trưởng trong các trung tâm làm đẹp, tự thành lập và làm chủ cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

2.2.1. Kiến thức:

2.2.1.1. Kiến thức đại cương

- Biết được các kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất trong học tập, rèn luyện, lao động và các hoạt động khác;
- Biết được các kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản;
- Biết được các kiến thức về ngoại ngữ cơ bản.

2.2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;

TH
TRU
CAO
TẾ
TH
HỒ C
10

- Trình bày được ý nghĩa và lịch sử phát triển của ngành làm đẹp, tổng quan sự phát triển các phong cách làm đẹp trên thế giới;
- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;
- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Thực hiện thành thạo quy trình phục vụ khách hàng;
- Phân tích được các hình dáng của khuôn mặt trong trang điểm;
- Trình bày được quy trình chăm sóc da: chăm sóc da mặt, da toàn thân, chuyên sâu về da;
- Giải thích được ứng dụng của mỹ phẩm trong làm đẹp, đảm bảo an toàn trong làm đẹp;
- Nhận biết được cấu tạo của móng, chăm sóc móng và trang trí móng;
- Trình bày được kiến thức về chăm sóc da, về trang điểm để tôn vinh vẻ đẹp.

2.2.2. Kỹ năng:

2.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Lựa chọn được các sản phẩm chăm sóc da phù hợp với từng loại da;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da: chăm sóc da mặt, da toàn thân, chuyên sâu về da;
- Phân biệt được các loại mặt nạ chăm sóc da;
- Phân tích được các loại da, tình trạng da và tác dụng của chăm sóc da;
- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc móng, thiết kế tạo hình móng;
- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm thẩm mỹ theo đúng yêu cầu;
- Thực hiện thành thạo quy trình massage, bấm huyệt;
- Thực hiện thành thạo các thao tác Massage chăm sóc da và chăm sóc toàn thân;
- Thực hiện thành thạo quy trình nối mi;
- Thực hiện thành thạo quy trình phun, thêu trên da giả
- Sử dụng an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Xây dựng được kế hoạch nhân sự, phân công công việc, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Xây dựng được kế hoạch mua sắm trang thiết bị- dụng cụ, hội thảo hoặc sự kiện;
- Xây dựng được các kênh quảng bá trên mạng xã hội.
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại các bộ phận dịch vụ của cơ sở làm đẹp.

2.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Rèn luyện kỹ năng chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- Đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn kèm cặp kỹ năng nghề cho đồng nghiệp, nhân viên;
- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách hàng;

- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp đạt trình độ tương đương B1 (khung năng lực 6 bậc Việt Nam).
- Ứng dụng các kỹ năng tin học vào công việc đạt trình độ tương đương IC3 (sử dụng máy tính và Internet) hoặc kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành ngày 11/3/2014).
- Đạt chứng nhận Kỹ năng mềm.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Giao tiếp hiệu quả; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, làm việc nhóm và quản lý thời gian hiệu quả; thích nghi với môi trường làm việc trong tương lai.
- Sử dụng được tiếng Anh vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- Sử dụng được công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.
- Xây dựng kế hoạch và quản lý thời gian hiệu quả, giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc độc lập, nhóm trong tương lai

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức tổ chức kỉ luật, tác phong chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc;
- Tôn trọng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;
- Thân thiện, cởi mở, sẵn sàng phục vụ và đảm bảo an toàn sức khỏe, tính mạng của khách hàng;
- Có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp;
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong quá trình tác nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;
- Chăm sóc da mặt;
- Chăm sóc da toàn thân;
- Chăm sóc chuyên sâu về da;
- Chăm sóc móng;
- Thiết kế, tạo hình móng nghệ thuật;
- Trang điểm;
- Trang điểm hóa trang;
- Nối mi;
- Massage bấm huyệt;
- Thiết lập, vận hành cơ sở làm đẹp.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1305 giờ, (tương đương: 47 tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 20

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1110 giờ (tương đương: 38 tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 321 giờ (24,7%);
- Khối lượng thực hành, thực tập: 948 giờ (75,3%).

5. Bảng tổng hợp năng lực ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp Luật của Nhà nước
2	NLCB-02	Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật
3	NLCB-03	Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.
4	NLCB-04	Vận dụng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.
5	NLCB-05	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và làm việc
6	NLCB-06	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Ứng dụng được kỹ năng quản lý spa
8	NLCL-02	Xây dựng được chế độ dinh dưỡng hợp lý cho từng người
9	NLCL-03	Xây dựng được kênh truyền thông hiệu quả
10	NLCL-04	Đọc được tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh
III	Năng lực nâng cao	
11	NLNC-01	Thực hiện được các kiểu chải bới tóc theo yêu cầu
12	NLNC-02	Thực hành thành thạo cắt tóc nam, nữ
13	NLNC-03	Thiết kế được bộ mi theo yêu cầu
14	NLNC-04	Vận dụng được trang điểm vào đời sống hằng ngày
15	NLNC-05	Vận dụng được kỹ thuật chăm sóc da phù hợp từng người
16	NLNC-06	Hoàn thành được chân mày, môi trên da giả
17	NLNC-07	Xây dựng mô hình kinh doanh phù hợp
18	NLNC-08	Tiếp cận tốt với môi trường nghề nghiệp
19	NLNC-09	Áp dụng được các kỹ thuật hóa trang
20	NLNC-10	Thiết kế được bộ móng theo yêu cầu

6. Nội dung chương trình:

STT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ /bài tập/thảo luận	Kiểm Tra
I	Các môn học chung		9	195	59	124	12
1	MH3208021	Giáo dục Chính trị	3	45	16	26	3
2	MH3208104	Pháp luật	1	15	9	5	1
3	MH3209022	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	14	14	2
4	MII3209106	Giáo dục thể chất	1	30	2	26	2
5	MH3201260	Tin học	1	30	5	23	2
6	MH3207260	Tiếng Anh	2	45	13	30	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn		38	1110	262	824	24
II.1	Môn học,mô đun cơ sở		9	165	102	58	5
7	MII3062648	Chiến lược quản lý spa	2	30	29	0	1
8	MH3262613	Dinh dưỡng và sức khỏe	2	30	29	0	1
9	MĐ3062651	Marketing mạng xã hội	3	75	15	58	2
10	MH3262621	Anh văn chuyên ngành	2	30	29	0	1
II.2	Môn học,mô đun chuyên môn		24	780	138	628	14
11	MĐ3262614	Kỹ thuật búi tóc	4	90	30	58	2
12	MĐ3262615	Thực tập cắt tóc nam, nữ nâng cao	3	135	10	122	3
13	MĐ3062660	Kỹ thuật nối mi	3	75	15	58	2
14	MĐ3262616	Thực tập trang điểm cô dâu nâng cao	2	90	10	78	2
15	MĐ3262617	Thực tập chăm sóc da công nghệ cao	2	90	14	74	2
16	MĐ3062661	Kỹ thuật phun thêu trên da giả	4	90	30	58	2
17	MH3062662	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	29	0	1
18	MĐ3262618	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	0
II.3	Môn học,mô đun tự chọn		5	165	22	138	5
	MĐ3262619	Khóa luận TN	5	225	0	225	0
19	MĐ3062666	Kỹ thuật trang điểm hóa trang	3	75	12	60	3
20	MĐ3062665	Thiết kế và tạo hình móng	2	90	10	78	2
	Tổng cộng		47	1305	321	948	36

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

7.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo Quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Khối lượng học tập đối với các môn học chung theo quy định được quy đổi thành tín chỉ tại Phụ lục 05 của Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 2 năm 2024 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định quy trình xây dựng thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

- Môn Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo:

- Chương trình đào tạo được tổ chức thực hiện theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ của Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Việc tổ chức giảng dạy các môn học, mô đun được thực hiện theo Kế hoạch phân bổ môn học, mô đun (BM đính kèm).

7.4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun:

- Phương pháp, thời gian tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ, thi kết thúc môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng chương trình môn học, chương trình mô đun.

- Thời gian kiểm tra trên lớp tính trong khối lượng của môn học, kiểm tra lý thuyết tính vào giờ lý thuyết; thời gian kiểm tra thực hành, tích hợp tính vào giờ thực hành.

7.5. Thực tập tại doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy 25 tín chỉ mới được đi thực tập doanh nghiệp, thực tập tốt nghiệp.

- Người học có thể làm khóa luận (nếu có) hoặc học các môn thay thế

7.6. Xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo và thỏa mãn các điều kiện được quy định tại quy chế đào tạo hiện hành thì mới được xét tốt nghiệp.

- Ngoài những môn học, mô đun trong chương trình đào tạo, người học cần phải đạt chuẩn đầu ra tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm theo quy định của nhà trường.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả học tập của người học, biên bản họp xét điều kiện tốt nghiệp của Hội đồng xét tốt nghiệp trình độ cao đẳng liên thông và các qui định liên quan để quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo qui định.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO & NCKH

P. TRƯỞNG KHOA



[Signature]

Nguyễn Thị Lệ Trinh

Lê Thị Hiền

Phan Văn Thanh Cẩn

